

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10



**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN
Năm 2023**

Hà Nội, tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

DANH MỤC TÀI LIỆU

TT	Tên tài liệu
1	Chương trình Đại hội.
2	Quy chế làm việc của Đại hội
3	Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2023
4	Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán (công ty mẹ và hợp nhất).
5	Báo cáo của Hội đồng quản trị
6	Báo cáo của Ban kiểm soát
7	Tờ trình quyết toán lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2022 và kế hoạch 2023
8	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023
9	Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và nội dung tương ứng trong Điều lệ
10	Dự thảo Nghị quyết đại hội



CHƯƠNG TRÌNH
HỘI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. Thời gian: **8h, thứ Năm, ngày 29/6/2023.**

2. Địa điểm: tầng 11, khu B, tòa nhà Tổng công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

3. Chương trình Đại hội

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	- Kiểm tra công tác thực hiện đăng kí quyền tham dự Đại hội.	8h -:- 8h 30ph	Ban tổ chức
II	- Tuyên bố lí do. - Mời đoàn chủ tịch là các Thành viên HĐQT đương nhiệm lên điều hành Đại hội.	8h 30ph	Ban tổ chức
III	Các nội dung trình Đại hội		
1	Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.	8h 30ph-:- 8h 35ph	Đoàn Chủ tịch
2	Thông qua Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử.	8h 35ph -:- 8h 45ph	Đoàn Chủ tịch
3	Chỉ định Ban thư kí; bầu Ban thẩm tra tư cách cổ đông; bầu Ban kiểm phiếu.	8h 45ph -:- 8h 50ph	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	8h 50ph -:- 9h 00ph	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Trình bày, thuyết minh các tờ trình, báo cáo:	9h 00ph -:- 10h 00ph	Đoàn Chủ tịch
5.1	<i>Kế hoạch SXKD năm 2023.</i>		
5.2	<i>Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán</i>		
5.3	<i>Báo cáo của Hội đồng quản trị.</i>		
5.4	<i>Báo cáo của Ban kiểm soát.</i>		
5.5	<i>Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS.</i>		
5.6	<i>Lựa chọn đơn vị kiểm toán.</i>		
5.7	<i>Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và nội dung tương ứng trong Điều lệ.</i>		

6	Đại hội thảo luận, bầu và biểu quyết các vấn đề đã nêu.	10h 00ph -:- 10h30	Đoàn Chủ tịch
7	Nghỉ giải lao.	10h 30ph -:- 11h 00ph	Đoàn Chủ tịch
8	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	11h 00ph -:- 11h 15ph	Ban kiểm phiếu
9	Thông qua Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.	11h 15ph -:- 11h 30ph	Đoàn Chủ tịch và Thư ký
IV	Bế mạc Đại hội.	11h 30ph	Đoàn Chủ tịch

QUY CHẾ
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Để tổ chức tốt Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đã xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội như sau:

Điều 1. Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ toạ Đại hội.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc và nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch

1. Nguyên tắc làm việc: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu.

Điều 3. Thư ký Đại hội

Thư ký đại hội gồm 2 người do Chủ toạ đại hội cử. Thư ký đại hội thực hiện nhiệm vụ dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của mình:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

2. Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận, dự thảo Nghị quyết của Đại



hội và thông báo của Đoàn chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu.

3. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 2 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 5. Ban bầu cử và kiểm phiếu

Ban bầu cử và kiểm phiếu của Đại hội gồm 3 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Tiến hành các công việc, thủ tục cần thiết và hướng dẫn cổ đông bầu, biểu quyết các nội dung của Đại hội;

b) Tập họp, lập biên bản kiểm phiếu;

c) Công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 6. Cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập đều có quyền tham dự Đại hội.

Các cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

Trong quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.

Cổ đông giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và quản lý tài liệu, không sao chép ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội.

Điều 7. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua thư ký Đại hội) khi phát biểu hoặc cần thảo luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp. Nếu quá thời lượng này Chủ tọa đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi,



kiến nghị thành văn bản, Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 8. Biểu quyết

1. Mỗi cổ đông dự họp được phát 02 phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo nội dung của Đại hội.

2. Quy ước biểu quyết:

a) Phiếu biểu quyết số 01 dùng để biểu quyết các nội dung sau đây:

- Biểu quyết thông qua chương trình của Đại hội;
- Biểu quyết thông qua quy chế làm việc của Đại hội;
- Biểu quyết thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- Biểu quyết thông qua Ban thư ký Đại hội;
- Biểu quyết thông qua Ban bầu cử và kiểm phiếu;
- Biểu quyết thông qua Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội;
- Các vấn đề khác theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch.

Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

b) Phiếu biểu quyết số 02 dùng để biểu quyết bằng cách tích ý kiến của mình vào 1 trong 3 ô vuông: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với các nội dung sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
- Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Quyết toán tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2023;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023;
- Sửa đổi ngành nghề kinh doanh và nội dung tương ứng trong Điều lệ.



Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tập hợp phiếu biểu quyết: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp báo cáo bằng biên bản và được công bố trước Đại hội.

Các vấn đề nêu trên được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng vấn đề “Sửa đổi ngành nghề kinh doanh và nội dung tương ứng trong Điều lệ” được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.


Điều 9. Tổ chức thực hiện

Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này hoặc phát sinh trong quá trình Đại hội sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT: 



TỜ TRÌNH
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào nguồn lực và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau.

I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐTV	Kế hoạch 2023	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	932.200	745.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	868.389	740.709
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	6.691	4.291
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	57.120	
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	933.300	750.800
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	39.100	24.900
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	15.300	15.300
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	12.240	12.240
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng		
-	Lợi nhuận cận biên	%	1,6	2,0
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	2,9	2,9
	LNST/VCSH	%	1,5	1,5
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	839.400	805.000
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng		427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,78	1,78

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Xây dựng các biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các kế hoạch, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2023.

2. Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thực hiện tại công trình thủy điện Yaly

mở rộng và các công trình đã ký với Chủ đầu tư.

3. Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm, nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.

4. Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo kế hoạch, chiến lược tiếp thị, đấu thầu.

5. Đầu tư xe máy thiết bị thi công theo đúng quy định của các cấp có thẩm quyền.

6. Có giải pháp để hoàn thành dứt điểm các nghĩa vụ thuế, BHXH, chế độ chính sách và tiền lương cho người lao động tại đơn vị.

7. Tập trung thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân và công nợ của các tổ chức, đối tác là chủ đầu tư mà đơn vị trực tiếp tham gia đấu thầu, trúng thầu.

8. Rà soát và giải quyết dứt điểm các kiến nghị của Ban kiểm toán nội bộ TCT Sông Đà, các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có), các văn bản chỉ đạo của TCT Sông Đà.

9. Thực hiện tái cấu trúc đơn vị đảm bảo hoạt động hiệu quả, bảo toàn vốn, hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra.

10. Thực hiện tái cấu trúc nợ, xây dựng kế hoạch tài chính cho năm 2023 và kế hoạch tài chính cho 05 năm 2023-2027, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

11. Phân tích hiệu quả kinh tế các dự án đã thực hiện trong thời gian qua, đề ra các giải pháp để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc tại các dự án đã hoàn thành thi công, đồng thời rút kinh nghiệm để giải quyết các vướng mắc tại các dự án đang thi công.

12. Rà soát đánh giá lại tài sản hiện có (xe máy thiết bị, bất động sản và các tài sản trên đất ...), xử lý dứt điểm các tồn tại cũ và xây dựng kế hoạch sử dụng đảm bảo hiệu quả.

13. Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm lực lượng lao động gián tiếp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của đơn vị, giảm các chi phí xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm...

Trên đây là kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Trần Tuấn Linh

N: 590
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10
M - T.P.P

Phụ lục

(kèm theo Tờ trình số 307/TTr-HĐQT ngày 08/6 /2023 của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10)

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐTV	Thực hiện 2022						Kế hoạch 2023	
			Tổng cộng			Công ty mẹ			Tổng cộng	Công ty mẹ
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)		
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	926.000	455.842	49%	740.000	382.764	52%	932.200	745.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	844.090	373.175	44%	718.090	371.934	52%	868.389	740.709
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	26.910	15.939	59%	21.910	10.829	49%	6.691	4.291
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	55.000	66.728	121%				57.120	
II	Kế hoạch tài chính									
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	896.200	453.362	51%	728.200	383.898	53%	933.300	750.800
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	47.300	36.981	78%	27.200	22.287	82%	39.100	24.900
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	8.300	-2.267	-27%	13.400	11.524	86%	15.300	15.300
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	5.591	-15.650	-280%	10.691	3.881	36%	12.240	12.240
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng								
-	Lợi nhuận cận biên	%	0,93	-0,5	-54%	1,84	3,0	163%	1,6	2,0
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	1,31	-2,49	-190%	2,50	0,91	36%	2,9	2,9
	LNST/VCSH	%	0,64	-1,22	-191%	1,40	0,51	36%	1,5	1,5
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	843.340	808.040	96%	787.890	785.821	100%	839.400	805.000
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng				427.324	427.324	100%		427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,2	1,7	77%	1,6	1,0	63%	1,78	1,78



Số: 239/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 33.3 của bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 170.655.338.671 đồng (01/01/2022: 181.298.300.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2022: 11.827.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, trong năm 2022 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 28/03/2022.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Minh Thắng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.291.555.732.142	1.733.653.350.833
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	39.432.355.251	28.817.162.597
Tiền	111		39.432.355.251	28.817.162.597
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		934.244.701.875	1.412.718.348.897
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	844.643.350.797	1.298.773.060.290
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	9.701.342.970	30.207.999.148
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	89.562.332.735	96.202.859.701
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(9.662.324.627)	(12.465.570.242)
Hàng tồn kho	140	13	263.486.216.898	254.457.177.783
Hàng tồn kho	141		263.486.216.898	254.457.177.783
Tài sản ngắn hạn khác	150		54.392.458.118	37.660.661.556
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	61.312.500	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		54.331.145.618	37.660.661.556
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.186.517.117	365.236.194.821
Các khoản phải thu dài hạn	210		37.500.000	37.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	37.500.000	37.500.000
Tài sản cố định	220	12	158.361.570.797	177.518.490.173
Tài sản cố định hữu hình	221		158.361.570.797	177.518.490.173
- Nguyên giá	222		714.795.009.422	758.887.749.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(556.433.438.625)	(581.369.259.736)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.315.230.000	190.230.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1.315.230.000	190.230.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	111.579.233.068	145.862.929.374
Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		62.621.300.694	96.904.997.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.400.000.000)	(69.400.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		44.892.983.252	41.627.045.274
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	44.892.983.252	41.627.045.274
TỔNG TÀI SẢN	270		1.607.742.249.259	2.098.889.545.654

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		821.922.193.770	1.299.857.359.971
Nợ ngắn hạn	310		661.720.322.637	1.084.234.605.974
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	221.874.438.248	352.336.492.820
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	88.144.904.599	119.207.012.214
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	14.215.310.420	29.591.044.897
Phải trả người lao động	314		27.828.604.289	48.832.486.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	19.650.401.926	54.878.333.094
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	-	193.633.298
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	42.402.077.002	46.369.901.673
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	245.315.273.852	428.756.579.377
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.289.312.301	4.069.122.301
Nợ dài hạn	330		160.201.871.133	215.622.753.997
Phải trả dài hạn khác	337	19	21.646.072.277	29.354.892.141
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	138.555.798.856	186.267.861.856
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		785.820.055.489	799.032.185.683
Vốn chủ sở hữu	410	21	785.820.055.489	799.032.185.683
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Quỹ đầu tư phát triển	418		288.722.797.097	288.722.797.097
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.707.626.471	32.919.756.665
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.826.832.265	31.588.465.789
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.880.794.206	1.331.290.876
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.607.742.249.259	2.098.889.545.654

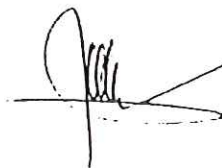
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	379.244.348.574	1.010.744.431.423
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	127.508.349	5.507.230.994
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		379.116.840.225	1.005.237.200.429
Giá vốn hàng bán	11	24	274.789.788.755	876.791.553.644
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.327.051.470	128.445.646.785
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	122.455.653	185.437.261
Chi phí tài chính	22	26	45.736.712.163	61.886.947.155
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.361.337.010	52.286.929.789
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	40.961.710.439	47.135.673.935
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.751.084.521	19.608.462.956
Thu nhập khác	31	28	4.658.592.657	1.447.054.192
Chi phí khác	32	29	10.885.906.970	12.704.312.138
Lợi nhuận khác	40		(6.227.314.313)	(11.257.257.946)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.523.770.208	8.351.205.010
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	7.642.976.002	7.019.914.134
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.880.794.206	1.331.290.876

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	11.523.770.208	8.351.205.010
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSEĐT	02	20.816.951.103	21.008.208.414
Các khoản dự phòng	03	(2.803.245.615)	1.411.118.128
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(19.894.635)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(4.632.457.156)	(1.193.033.535)
Chi phí lãi vay	06	45.361.337.010	52.286.929.789
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.266.355.550	81.844.533.171
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	464.606.408.575	11.711.130.194
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.029.039.115)	143.472.679.921
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(244.882.977.218)	(49.394.145.536)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.327.250.478)	797.221.649
Tiền lãi vay đã trả	14	(45.467.935.419)	(52.576.262.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.105.350.451)	(17.931.268.368)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.779.810.000)	(2.666.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	216.280.401.444	115.257.338.397
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.785.031.727)	(684.700.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.560.318.064	1.130.330.909
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.139.132.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	34.283.696.306	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.139.092	165.542.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.131.121.735	(2.527.958.465)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	247.634.346.000	541.972.785.438
Tiền trả nợ gốc vay	34	(478.787.714.525)	(626.315.594.086)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.642.962.000)	(12.982.685.490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(241.796.330.525)	(97.325.494.138)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.615.192.654	15.403.885.794
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	28.817.162.597	13.413.276.803
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	39.432.355.251	28.817.162.597

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc

ÔNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10
QU. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Tuấn Anh



Số: 240/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 48 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 36.3 của bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 lần lượt là 101.155.244.320 đồng (01/01/2022: 134.238.110.563 đồng) và 78.355.938.094 (tại ngày 01/01/2022: 77.638.383.793 đồng), các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 170.655.338.671 đồng (01/01/2022: 181.298.300.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2022: 11.827.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, trong năm 2022 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 28/03/2022.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.519.200.534.190	1.984.323.015.422
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	48.256.169.918	32.154.043.375
Tiền	111		48.256.169.918	32.154.043.375
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.032.779.528.717	1.555.615.262.837
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	868.105.005.831	1.363.305.154.328
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.009.798.310	30.567.362.123
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	29.064.522.709	32.564.522.709
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	130.000.893.640	132.382.161.065
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(10.230.327.010)	(13.033.572.625)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	9.829.635.237	9.829.635.237
Hàng tồn kho	140	12	371.551.633.509	350.199.406.079
Hàng tồn kho	141		371.551.633.509	350.199.406.079
Tài sản ngắn hạn khác	150		66.613.202.046	46.354.303.131
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	5.464.393.634	2.139.175.263
Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	60.926.736.515	43.815.127.868
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	222.071.897	400.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		693.432.393.090	771.148.313.760
Các khoản phải thu dài hạn	210		77.500.000	77.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	77.500.000	77.500.000
Tài sản cố định	220		587.525.379.144	630.340.007.177
Tài sản cố định hữu hình	221	15	587.525.379.144	630.340.007.177
- Nguyên giá	222		1.492.169.916.066	1.536.212.193.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(904.644.536.922)	(905.872.186.413)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	1.315.230.000	190.230.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.315.230.000	190.230.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	59.621.300.694	93.904.997.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		62.621.300.694	96.904.997.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		44.892.983.252	46.635.579.583
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	44.892.983.252	41.627.045.274
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	5.008.534.309
TỔNG TÀI SẢN	270		2.212.632.927.280	2.755.471.329.182

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2022


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.404.593.575.523	1.914.511.916.258
Nợ ngắn hạn	310		1.016.461.704.390	1.439.509.162.261
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	239.370.005.142	356.106.295.451
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	88.144.904.599	119.207.012.214
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	21.414.310.911	37.651.508.740
Phải trả người lao động	314		30.248.597.181	51.800.807.064
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	107.032.542.987	120.328.130.746
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	193.633.298
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	123.141.151.843	126.577.467.496
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	404.251.355.116	623.005.660.641
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.858.836.611	4.638.646.611
Nợ dài hạn	330		388.131.871.133	475.002.753.997
Phải trả dài hạn khác	337	21	21.646.072.277	29.354.892.141
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	353.205.798.856	432.367.861.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		13.280.000.000	13.280.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		808.039.351.757	840.959.412.924
Vốn chủ sở hữu	410	22	808.039.351.757	840.959.412.924
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.901.000.000	3.901.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		396.319.577.252	396.319.577.252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(62.500.985.091)	(29.462.220.752)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(46.733.073.255)	(17.489.296.574)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(15.767.911.836)	(11.972.924.178)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(7.069.872.325)	(7.188.575.497)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.212.632.927.280	2.755.471.329.182

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu


Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng


Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc

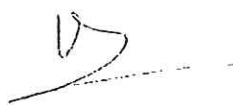

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	444.950.338.347	1.080.841.360.042
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	127.508.349	5.507.230.994
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		444.822.829.998	1.075.334.129.048
Giá vốn hàng bán	11	25	310.297.476.257	926.965.443.185
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		134.525.353.741	148.368.685.863
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.864.472.498	4.625.824.226
Chi phí tài chính	22	27	88.236.254.099	94.089.438.363
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		87.860.878.946	91.900.539.125
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	26.145.249
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	45.823.494.846	53.621.271.014
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.330.077.294	5.309.945.961
Thu nhập khác	31	29	4.674.248.881	1.746.733.540
Chi phí khác	32	30	11.271.328.455	12.819.997.715
Lợi nhuận khác	40		(6.597.079.574)	(11.073.264.175)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.267.002.280)	(5.763.318.214)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	8.373.672.075	7.019.914.134
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.008.534.309	1.482.223.626
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.649.208.664)	(14.265.455.974)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(15.767.911.836)	(11.972.924.178)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		118.703.172	(2.292.531.796)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(369)	(280)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	(369)	(280)

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	(2.267.002.280)	(5.763.318.214)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BSEĐT	02	44.525.122.723	45.837.695.022
Các khoản dự phòng	03	(2.803.245.615)	(6.000.000.000)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(19.894.635)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(8.374.474.001)	(6.133.420.500)
Chi phí lãi vay	06	87.860.878.946	91.900.539.125
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	118.941.279.773	119.821.600.798
Tăng, giảm các khoản phải thu			
Tăng, giảm hàng tồn kho	09	514.741.244.898	17.056.314.590
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.352.227.430)	163.049.768.416
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(233.961.535.170)	(68.002.873.155)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.591.156.349)	(380.102.236)
Tiền lãi vay đã trả	14	(67.139.935.419)	(75.580.262.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.283.278.551)	(17.931.268.368)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.779.810.000)	(2.689.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	288.574.581.752	135.343.627.411
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.835.494.690)	(819.981.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.560.318.064	1.527.490.909
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.916.625.464
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.139.132.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	34.283.696.306	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.355.636	2.170.070.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.086.875.316	5.655.072.594

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	247.634.346.000	541.972.785.438
Tiền trả nợ gốc vay	34	(545.550.714.525)	(655.060.594.086)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.642.962.000)	(12.982.685.490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(308.559.330.525)	(126.070.494.138)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.102.126.543	14.928.205.867
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	32.154.043.375	17.225.837.508
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	48.256.169.918	32.154.043.375

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty năm 2022 và phương hướng năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2022 cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị (HĐQT) xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông báo cáo tình hình quản trị công ty gồm các phần sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022;
- Hoạt động của HĐQT trong năm 2022;
- Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2023.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2022

Trong năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tham gia thi công xây lắp tại các Dự án như: thủy điện Nam Emoun, thủy điện Xe-Ka-Man 3 và thủy điện Nam Phak ở Lào; thủy điện Đắc Mi 1 ở tỉnh Quảng Nam; thủy điện Yaly mở rộng ở tỉnh Gia Lai.

Các công trình đều về cơ bản đều được thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

- Doanh thu của công ty mẹ là 383,89 tỷ đồng/728 tỷ đồng, đạt 52,72% KH năm. LNTT của công ty mẹ là 11,52 tỷ đồng/13,40 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 86% kế hoạch năm; LNST của công ty mẹ là 3,88 tỷ đồng/10,69 tỷ đồng, đạt 36% KH năm.

- Doanh thu cả tổ hợp là 453,36 tỷ đồng/896,20 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 50,59%. LNTT của cả tổ hợp là - 2,27 tỷ đồng/8,3 tỷ đồng, tỷ lệ - 27% kế hoạch năm; LNST của tổ hợp là - 15,65 tỷ đồng/5,59 tỷ đồng, tỷ lệ - 280% KH năm.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch là do:

- Doanh thu không đạt kế hoạch do một số Chủ đầu tư, Tổng thầu chậm bàn giao mặt bằng, hồ sơ thiết kế nên chậm triển khai thi công như thủy điện Đắc Mi 1, thủy điện Nam Phak;

- Lợi nhuận hợp nhất không đạt kế hoạch do công ty con - Sông Đà 10.1 thiếu việc làm nên bị lỗ;

- Do tính cạnh tranh cao nên một số công trình đấu thầu có giá đầu thu thấp dẫn đến



lợi nhuận không cao;

- Mặc dù Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp quyết liệt như thuê dịch vụ đòi nợ, thuê luật sư để tiến hành thủ tục khởi kiện, qua đó cũng đã thu được một số kết quả nhất định nhưng công nợ phải thu vẫn còn lớn làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

1. Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua tập thể HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đã thông qua để chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD Công ty, trong đó bao gồm các nội dung quan trọng như sau:

a) Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các báo cáo, kế hoạch để trình cấp có thẩm quyền (kế hoạch năm) hoặc ban hành để Tổng giám đốc triển khai thực hiện (KH quý).

b) Giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty đối với Ban Tổng giám đốc điều hành.

c) Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

a) Lương, thù lao của Hội đồng quản trị

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổng mức lương và thù lao tối đa năm 2022 của HĐQT, BKS là 768 triệu đồng (lương và thù lao của HĐQT là 684 triệu, thù lao BKS là 84 triệu).

Tính đến hết ngày 31/3/2023, Công ty mới tạm ứng lương với mức 70% kế hoạch cho Chủ tịch HĐQT. Toàn bộ thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BKS đều chưa được tạm ứng hoặc chi trả.

Hiện HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thông qua quyết toán lương, thù lao năm 2022 cho HĐQT và BKS. Sau khi có quyết định của ĐHĐCĐ, Công ty sẽ chi trả phần còn lại cho các thành viên HĐQT, BKS vào thời điểm thích hợp.

b) Chi phí hoạt động của HĐQT

Trong năm 2022, chi phí cho các hoạt động chung của HĐQT gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của HĐQT. Các chi phí này được tính vào chi phí của Công ty theo qui định của pháp luật.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành họp 07 lần, ngoài ra HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các thành viên HĐQT đều tham gia theo đúng quy và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng trình tự và thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều



ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng giám đốc triển khai thực hiện, đồng thời Công ty cũng gửi các Nghị quyết và Quyết định đã ban hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng lên Website của Công ty theo các qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm qua, HĐQT đã ban hành 56 Nghị quyết và Quyết định để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Danh sách các nghị quyết, quyết định cũng đã được Công ty công bố trong Báo cáo quản trị công ty theo quy định về công bố thông tin bằng cách gửi Ủy ban chứng khoán, Sở GDCK Hà Nội, đăng tải lên Website của Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hàng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2022.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2023

1. Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Nhà nước tiếp tục ưu tiên đặc biệt cho công tác đầu tư phát triển hạ tầng như giao thông, năng lượng, nhiều dự án lớn đã và sẽ được triển khai.

- Chính phủ tiếp tục thông qua và triển khai các gói kích thích kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình mới.

- Năng lực thi công được tăng cường do Công ty đã đầu tư thêm một số thiết bị quan trọng, có giá trị lớn trong các năm gần đây như: 5 máy khoan hầm, 3 máy xúc, 5 quạt gió hầm, 4 máy phát điện và một số máy biến áp, xe bán tải....

- Phần lớn giá trị sản lượng trong năm 2023 của Công ty đều đã có hợp đồng.

b) Khó khăn

- Tại các công trình bên Lào, lực lượng lao động của Công ty đang thiếu hụt và công tác huy động hết sức khó khăn.

- Công nợ tồn đọng lớn và việc thu hồi rất khó khăn.

- Việc cạnh tranh trên thị trường xây lắp ngày càng gay gắt, cả về giá thành cũng như tiêu chuẩn thi công.

2. Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ



Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động và nhiệm vụ trong năm 2023 như sau:

- a) Tập trung lực lượng hoàn thành các công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Củng cố và nâng cao năng lực thi công, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành;
- b) Đôn đốc và chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, nghiệm thu thanh toán và công tác tài chính – tín dụng để đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ SXKD;
- c) Chỉ đạo công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm đủ việc làm cho những năm tiếp theo. Mục tiêu trong năm 2023 phải ký được các hợp đồng mới với giá trị khoảng 1.000 tỷ đồng;
- d) Thoái vốn tại các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh kém;
- e) Rà soát bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty;
- f) Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị công ty trong năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2023. Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CỘNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ HƯƠNG

Đ. NAM TỪ LIÊM - T. P. HÀ NỘI

Trần Tuấn Linh

Số: 02/SD10-BKS

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông của Công ty CP Sông Đà 10.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

1. Cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 10 gồm 3 thành viên:

- Bà Lê Thị Mai Hương – Trưởng ban kiểm soát không chuyên trách.
- Ông Nguyễn Văn Thanh – Kiểm soát viên kiêm nhiệm
- Bà Vũ Thị Tố Nga – Kiểm soát viên kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2022, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật DN, Điều lệ Công ty, Quy chế TC&HD của Ban KS. BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên, kết quả cụ thể như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐH ngày 28/6/2022.
- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh của công ty do Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét Nghị quyết, Quyết định của HDQT.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (khi được mời);
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HDQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2022;
- BKS được cung cấp thông tin về các Quyết định của HDQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. Kết quả hoạt động của công ty năm 2022:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành do Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022:

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Năm 2022, Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm, mặc dù vậy, HĐQT và Tổng giám đốc công ty đã nỗ lực chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, nghiệm thu thanh toán thu hồi công nợ,... và đã đạt được kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	740	382,7	51,7%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	728	383,8	52,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,4	11,5	85,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,7	3,9	36,4%
5	Tỷ suất LN/DT	%	1,8	3	166%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,3	0,5	38,4%
7	Tổng tài sản	Tỷ đồng		1.607,7	
8	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	817,9	785,8	96%
9	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	1,55	1,05	67,7%
10	Cổ tức	%	2%		

Các chỉ tiêu kinh tế không đạt kế hoạch là giá trị SXKD, doanh thu, lợi nhuận và đạt rất thấp, nguyên nhân chủ yếu:

- Một số dự án khi quyết toán bị giảm trừ như: công trình KonTum, Huội Quảng.

- Một số gói thầu, công trình đấu thầu giá thấp nên ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm, vướng mắc về kinh tế tại các dự án giao thầu tồn tại kéo dài nhiều năm chưa giải quyết nên công nợ, dở dang tồn đọng lớn phát sinh chi phí lãi vay, chi phí phục vụ công tác quyết toán phát sinh lớn ngoài kế hoạch không có nguồn thu để bù đắp ảnh hưởng trực tiếp lợi nhuận.

1.2. Kết quả kinh doanh – Quản lý giá thành – Chi phí quản lý:

a) Kết quả kinh doanh

- Doanh thu năm 2022 là 383,8 tỷ đồng và chỉ đạt 52,7% kế hoạch năm; lợi nhuận là 11,5 tỷ đồng và chỉ đạt 86% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế là 11,5 tỷ đồng và đạt 86% kế hoạch năm, hoạt động SXKD chưa hoàn thành kế hoạch năm. Một số công trình ghi nhận kết quả lỗ

năm 2022: Thượng Kontum lỗ 11,9 tỷ đồng; Hàm Đèo Cả lỗ 3,287 tỷ đồng; TĐ Nậm Chiến lỗ 6,3 tỷ đồng (toàn bộ số lỗ do phân bổ chi phí lãi vay trong kỳ); CT Đăkmi 2 lỗ 1,8 tỷ đồng; CT Đăkmi 1 lỗ 3,6 tỷ đồng...04/06 xí nghiệp báo lỗ gồm Xí nghiệp 10.3 lỗ 9,5 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.6 lỗ 20,4 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.7 lỗ 7,2 tỷ đồng; Xí nghiệp cơ khí lỗ 2,4 tỷ đồng.

- Trong năm 2022, có 21 công trình lỗ với số lỗ là 40,2 tỷ đồng; có 3 công trình (Nậm Emoun, Yaly mở rộng, Xêkaman 3 ghi nhận lãi với số lãi 54,3 tỷ đồng).

b) Chi phí quản lý

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 là 40,96 tỷ đồng chiếm 10,67% doanh thu thực hiện và giảm 6,17 tỷ đồng so với năm 2021 (47,1 tỷ đồng) và tương ứng mức giảm là 13%. Riêng trong năm 2022 đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 2,8 tỷ đồng.

1.3. Về đầu tư tài chính, đầu tư máy móc thiết bị

a) Tình hình đầu tư tài chính:

- Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào 02 công ty con, 04 công ty khác với giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2022 là 180,97 tỷ đồng, trong đó có 03 công ty kinh doanh không hiệu quả. Năm 2022 Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ Tuý Loan đã hoàn trả góp vốn với số tiền 34,2 tỷ đồng.

- Tại thời điểm 31/12/2022, lũy kế trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 69,4 tỷ đồng. Gồm khoản trích lập dự phòng tại CTCP thủy điện Nậm He là 66,4 tỷ đồng/giá trị đầu tư 66,4 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư); dự phòng tại CTCP cao su Phú Riềng Kratie 3 tỷ đồng/giá trị đầu tư 3 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư).

- Tình hình hoạt động tại 02 công ty con năm 2022:

Tại CTCP Sông Đà 10.1: Tổng doanh thu năm 2022 là 10,4 tỷ đồng; lỗ trong năm là 19,8 tỷ đồng; lỗ lũy kế đến 31/12/2022 là 50,15 tỷ đồng và lỗ vượt 1,07 lần vốn điều lệ (vốn điều lệ là 46,6 tỷ đồng). Dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2022 là 135,9 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn là 135,9 tỷ đồng và lãi vay quá hạn là 115 tỷ đồng (nợ nhóm 5).

Tại CTCP thủy điện Nậm He: Tổng doanh thu năm 2022 là 61,72 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế trong năm là 6,01 tỷ đồng (là năm đầu tiên ghi nhận lãi từ khi đi vào hoạt động); lỗ lũy kế đến 31/12/2022 là 126,8 tỷ đồng và lỗ vượt 1,09 lần vốn điều lệ (vốn điều lệ là 115,5 tỷ đồng); vốn chủ sở hữu âm 11,2 tỷ đồng.

- Tình hình chi trả cổ tức:

Năm 2019 là 4% đã thực hiện chốt danh sách chi trả; theo thông báo ngày thanh toán là 29/12/2022, tuy nhiên đơn vị điều chỉnh ngày chi trả là ngày 28/6/2023.

Năm 2020 là 4% chưa thực hiện chốt danh sách chi trả.

b) Tình hình đầu tư:

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công: trong năm 2022 công ty đầu tư 02 ô tô con và 2 máy xúc với giá trị 3,87 tỷ đồng/Kế hoạch là 30 tỷ đồng đạt 12,89%.

- Việc thực hiện đầu tư không đạt kế hoạch do trong năm 2022 các hợp đồng xây lắp mới không đạt như kế hoạch nên công ty chủ động giãn tiến độ đầu tư.

1.4. Tình hình vay và trả nợ ngân hàng

- Trong năm 2022, số tiền giải ngân là 295,3 tỷ đồng; số tiền trả nợ là 526,4 tỷ đồng.

- Dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng đến 31/12/2022 là 383,8 tỷ đồng. Lãi vay tài chính năm 2022 là 45,36 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP là 20,2 tỷ đồng (chiếm 44,5% tổng chi phí lãi vay).

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến 31/12/2022 là 245,31 tỷ đồng (trong đó: vay ngân hàng là 197,6 tỷ đồng; vay dài hạn đến hạn trả là 47,7 tỷ đồng)/tổng hạn mức vay ngắn hạn là 530 tỷ đồng, hiện nay các ngân hàng tiếp tục giảm dư nợ cho vay do tình hình tài chính của công ty không cải thiện (hạn mức ngân hàng hiện tại là 230 tỷ đồng trong đó BIDV là 150 tỷ đồng và Vietinbank là 80 tỷ đồng).

+ Vay dài hạn đến 31/12/2022 là 138,5 tỷ đồng

+ Dư nợ vay năm 2022 đã giảm đáng kể, tuy nhiên vẫn ở mức cao dẫn đến nhiều rủi ro về tài chính.

1.5. Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2022:

- Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong việc tổ chức công tác kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành đối với công ty niêm yết.

- Công ty đã thanh lý hợp đồng kiểm toán soát xét và kiểm toán với Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) và ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY (UHY). Như vậy báo cáo tài chính soát xét năm 2022 do AVA thực hiện và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 do UHY thực hiện.

- Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 239/2023/UHY-BCKT ngày 27/3/2023 do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY - đơn vị kiểm toán có ý kiến **vấn đề cần nhấn mạnh**: “*Như trình bày tại Thuyết minh 33.3 của bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 170.655.338.671 đồng (01/01/2022: 181.298.300.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/1/2022: 11.827.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, trong năm 2022 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết*”.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022: (Đvt: Vnd)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022
1	Tổng tài sản	1.607.742.249.259	2.098.889.545.654
	- Tài sản ngắn hạn	1.291.555.732.142	1.733.653.350.833
	- Tài sản dài hạn	316.186.517.117	365.236.194.821
2.	Nguồn vốn	1.607.742.249.259	2.098.889.545.654

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022
	- Nợ phải trả	821.922.193.770	1.084.234.605.974
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	785.820.055.489	799.032.185.683

Các chỉ tiêu tài chính năm 2022:

TT	Các chỉ số	Năm 2022	Năm 2021
1	Bố trí cơ cấu vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,51 lần	0,62 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,05 lần	1,63 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,49 lần	0,77 lần
2	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,96 lần	1,61 lần
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,95 lần	1,60 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,55 lần	1,36 lần
3	Hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	1,02%	0,13%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,24%	0,06%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,91%	0,31%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,50%	0,17%

- So sánh các chỉ tiêu năm 2022 với năm 2021, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản nguồn vốn có điều chỉnh nhẹ.

- Về các chỉ tiêu hiệu quả: Các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn năm 2022 đã được cải thiện hơn so với năm 2021.

- Cổ phiếu Công ty đã vào diện bị cảnh báo trên sàn HNX từ 06/4/2022 do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 là số âm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Ngày 31/3/2023, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Thông báo số 1188/TB-SGDHN về việc cổ phiếu SDT có khả năng bị hủy bỏ niêm yết do Công ty có kết quả sản xuất, kinh doanh bị thua lỗ trong 3 năm liên tục (2020-2022) trên báo cáo hợp nhất.

1.6. Về giá trị khối lượng dở dang

- Giá trị dở dang đến thời điểm 31/12/2022: 201 tỷ đồng và giảm 18 tỷ đồng so với đầu năm. Một số công trình lỗ dở dang: Nậm Thuen 1 lỗ 2,84 tỷ đồng; Đăkmi 2 lỗ 6,69 tỷ đồng; Đăkmi 1 lỗ 2,8 tỷ đồng; Nậm Cầu lỗ 0,9 tỷ đồng. Đây là khoản lỗ tiềm ẩn sẽ thành hiện thực khi công trình kết thúc.

- Trong năm qua, việc giải quyết các giá trị khối lượng dở dang tồn tại lâu ngày như đã nêu chưa có chuyển biến tích cực, đặc biệt có một số khoản công nợ sẽ chuyển sang lỗ tại một số dự án như: thủy điện Hòa Na; Thủy điện Bản Vẽ. Ngoài ra tại các dự án khác, như Namthuen 1, Xekaman 3, Ngòi hút Vững Áng,... và một số dự án khác có công nợ kéo dài khó thu hồi.

1.7. Tình hình công nợ và thu hồi vốn

- Tổng công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2022 là 844 tỷ đồng giảm 454 tỷ đồng so với đầu năm. Một số công nợ phải thu lớn kéo dài nhiều năm như: CT Xekaman 3 là 170,6 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm Chiến là 27,9 tỷ đồng; CT Đèo Cả 100,9 tỷ đồng; CT Nậm Theun 1 là 90,4 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm He là 111,62



tỷ đồng; CT Nậm Emoun là 55,5 tỷ đồng. Trong năm công ty đã thu hồi được một số công trình đã phát sinh lâu như TĐ Nậm Chiến 224 tỷ đồng; Thượng KonTum, Huội Quảng là 41,4 tỷ đồng; Đăkrinh là 28,4 tỷ đồng,... nên đã có tác động tích cực đến tình hình tài chính của công ty và đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

- Tuy nhiên vẫn còn một số khoản công nợ lớn, khó thu và dẫn đến rủi ro tài chính.

Công tác đối chiếu công nợ và lập dự phòng:

- Các khoản nợ phải thu được theo dõi, phân loại theo hạn nợ, tuổi nợ.
- Trong năm 2022, Công ty không trích lập bổ sung dự phòng, đồng thời hoàn nhập 2,8 tỷ đồng khoản trích lập dự phòng phải thu của Công ty cổ phần thủy điện Sứ Pán 2.
- Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2022 là 9,6 tỷ đồng. Căn cứ tình hình nợ phải thu quá hạn nêu trên, khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2022 là rất nhỏ so với giá trị cần phải trích lập theo quy định (riêng công nợ phải thu khách hàng TK131 – từ 1 năm đến dưới 2 năm là 75,7 tỷ đồng; từ 2-3 năm là 204 tỷ đồng; trên 3 năm là 240 tỷ đồng).

1.9 Tình hình nộp ngân sách

- Thuế phải nộp đến 31/12/2022 là 14,21 tỷ đồng (trong đó số thuế quá hạn là 2,6 tỷ đồng). Các khoản thuế phải nộp đến 31/12 gồm: thuế GTGT 1,5 tỷ đồng; thuế TNDN là 8,926 tỷ đồng; thuế thu nhập cá nhân là 3,74 tỷ đồng.

+ Số thuế phải nộp trong năm 2022 là 11,75 tỷ đồng

+ Số thuế đã nộp trong năm 2022 là 27,13 tỷ đồng

- BHXH phải nộp đến 31/12/2022 là 11,48 tỷ đồng, trong năm 2022, ghi nhận vào chi phí số tiền phạt, chậm nộp thuế và chậm nộp BHXH là 5,904 tỷ đồng (riêng chậm nộp BHXH là 1,3 tỷ đồng). Do đó làm giảm kết quả lợi nhuận toàn công ty với số tiền tương ứng. Công ty chậm nộp BHXH đến 31/1/2023 là 11,3 tỷ đồng (nợ 11 tháng).

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. Chủ tịch HĐQT thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp và chỉ đạo cụ thể các vấn đề phát sinh, đôi khi chi tiết đến từng vấn đề nhỏ.

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.

- Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã ban hành 34 nghị quyết và quyết định, trong đó: nghị quyết – quyết định trong lĩnh vực đấu thầu mua sắm máy móc thiết bị là 5; lĩnh vực tài chính tín dụng là 6; tổ chức nhân sự là 5; Quy chế nội bộ là 6; công ty con – công ty liên kết là 1; đấu thầu nhận thầu thi công là 3; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT là 8.

- Công tác điều hành sản xuất mặc dù rất nhiều khó khăn, do thi công dàn trải trên nhiều địa bàn nhưng cũng đã kịp thời nhanh chóng, các công trình dự án đều đảm bảo tiến độ, đạt yêu cầu về kỹ thuật;

- Công tác quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã được đảm bảo. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích.
- Vấn đề tìm kiếm việc làm được quan tâm, mặc dù kết quả công tác tiếp thị, đấu thầu năm 2022 chưa đạt được kế hoạch.

3. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty

Năm 2022, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tại điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của công ty. Phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động SXKD của công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực duy trì sự ổn định, khắc phục những tồn tại và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua. Để công ty hoạt động hiệu quả trong năm 2023, Ban Kiểm soát kiến nghị một số vấn đề với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty như sau:

- Tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023.
- Tìm giải pháp để hoàn thành tiến độ tại các công trình theo các hợp đồng đã ký kết, không để xảy ra tranh chấp hợp đồng và phạt tiến độ vì các nguyên nhân chủ quan.
- Xây dựng giải pháp quyết liệt và mạnh mẽ hơn trong việc thu hồi các khoản công nợ khó thu tại một số công trình.
- Tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, giảm giá trị dở dang tại các công trình; Kịp thời giải quyết với các Chủ đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc phê duyệt dự toán, quyết toán, các chế độ chính sách liên quan để đảm bảo quyền lợi của Công ty. Tăng cường các biện pháp và thực hiện có hiệu quả việc thu hồi nợ, đặc biệt là các khoản nợ quá hạn lâu ngày.
- Chú trọng công tác thị trường để tìm kiếm việc làm cho năm 2023 và những năm tiếp theo.
- Cân đối vốn để chi trả cổ tức năm năm 2019 và 2020.
- Có biện pháp thu hồi số tiền đặt cọc 35 tỷ đồng tại CTCP Đầu tư Hải Thạch BOT.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn thoái vốn tại CTCP TĐ Nậm He.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2023

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Triển khai định kỳ công tác thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm;

- Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các khuyến nghị của Đoàn thanh kiểm tra (nếu có).
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp.
- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với thực trạng SXKD và những thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD, hoạt động của BKS năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

**T.M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Mai Hương

Số: 309/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS
năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ vào tình hình và kết quả kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị báo cáo và đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua quyết toán tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 như sau:

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022

Trong năm 2022 mặc dù gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch do một số nguyên nhân khách quan nhưng tập thể CBCNV của công ty mẹ đã hoàn thành tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình. Vì vậy, HĐQT đề nghị được quyết toán mức tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS bằng mức kế hoạch. Tổng số tiền lương, thù lao là 768.000.000 đồng. Các mức cụ thể như sau:

- Lương Chủ tịch HĐQT: 45 triệu đồng/tháng.
- Thù lao thành viên HĐQT, Trưởng BKS: 3 triệu đồng/tháng.
- Thù lao thành viên BKS: 2 triệu đồng/tháng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		6.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	
6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		4.000.000
8	Trưởng Ban kiểm soát		3.000.000
9	Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000

- Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Đơn vị và pháp luật.
- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Thành viên HĐQT



chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2023.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

M.S.D.N: 5900189357
TP HÀ NỘI

TRẦN TUẤN LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

Số: 310 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào danh sách các công ty kiểm toán được phép kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng do Bộ Tài chính ban hành.

Nhằm mục đích lựa chọn công ty kiểm toán có năng lực phù hợp, đảm bảo chất lượng kiểm toán với chi phí kiểm toán hợp lý, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

1. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO).
4. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
5. Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.



Trần Tuấn Linh

TỜ TRÌNH
Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Nhằm mục đích đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh, đồng thời bổ sung nội dung tương ứng vào Điều lệ.


STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng, sản xuất vôi và sản xuất thạch cao	2394
2	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
3	Sửa chữa thiết bị điện	3314
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5	Xây dựng nhà để ở	4101
6	Xây dựng nhà không để ở	4102
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép	4662
9	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
11	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
12	Xây dựng công trình điện	4221
13	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14	Xây dựng công trình thủy	4291
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT: 



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Tuấn Linh

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Biên bản họp số/BB-SĐ10 ngày/...../2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2023

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐTV	Kế hoạch 2023	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	932.200	745.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	868.389	740.709
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	6.691	4.291
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	57.120	
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	933.300	750.800
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	39.100	24.900
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	15.300	15.300
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	12.240	12.240
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng		
-	Lợi nhuận cận biên	%	1,6	2,0
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	2,9	2,9
	LNST/VCSH	%	1,5	1,5
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	839.400	805.000
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng		427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,78	1,78

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Xây dựng các biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các kế hoạch,

đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2023.

b) Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thực hiện tại công trình thủy điện Yaly mở rộng và các công trình đã ký với Chủ đầu tư.

c) Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm, nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.

d) Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo kế hoạch, chiến lược tiếp thị, đấu thầu.

e) Đầu tư xe máy thiết bị thi công theo đúng quy định của các cấp có thẩm quyền.

f) Có giải pháp để hoàn thành dứt điểm các nghĩa vụ thuế, BHXH, chế độ chính sách và tiền lương cho người lao động tại đơn vị.

g) Tập trung thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân và công nợ của các tổ chức, đối tác là chủ đầu tư mà đơn vị trực tiếp tham gia đấu thầu, trúng thầu.

h) Rà soát và giải quyết dứt điểm các kiến nghị của Ban kiểm toán nội bộ TCT Sông Đà, các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có), các văn bản chỉ đạo của TCT Sông Đà.

i) Thực hiện tái cấu trúc đơn vị đảm bảo hoạt động hiệu quả, bảo toàn vốn, hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra.

j) Thực hiện tái cấu trúc nợ, xây dựng kế hoạch tài chính cho năm 2023 và kế hoạch tài chính cho 05 năm 2023-2027, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

k) Phân tích hiệu quả kinh tế các dự án đã thực hiện trong thời gian qua, đề ra các giải pháp để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc tại các dự án đã hoàn thành thi công, đồng thời rút kinh nghiệm để giải quyết các vướng mắc tại các dự án đang thi công.

l) Rà soát đánh giá lại tài sản hiện có (xe máy thiết bị, bất động sản và các tài sản trên đất ...), xử lý dứt điểm các tồn tại cũ và xây dựng kế hoạch sử dụng đảm bảo hiệu quả.

m) Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm lực lượng lao động gián tiếp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của đơn vị, giảm các chi phí xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm ...

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 2. Báo cáo tài chính năm 2022

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm

D. N
CÔ
CÔ
ÔNG
LIÊM

toán và Tư vấn UHY.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 3. Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 5. Tiền lương, thù lao

Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

1. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022

Tổng số tiền lương, thù lao là **768.000.000 đồng**. Các mức cụ thể như sau:

- Lương Chủ tịch HĐQT: 45 triệu đồng/tháng.
- Thù lao thành viên HĐQT, Trưởng BKS: 3 triệu đồng/tháng.
- Thù lao thành viên BKS: 2 triệu đồng/tháng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	45.000.000	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		6.000.000
5	Thành viên HĐQT chuyên trách	32.000.000	
6	Thành viên HĐQT không chuyên trách		4.000.000
8	Trưởng Ban kiểm soát		3.000.000
9	Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000

- Tiền lương, thù lao được quyết toán theo quy định của Đơn vị và pháp luật.

- Tạm ứng tiền lương: Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Thành viên HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng; Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại được tạm ứng hằng quý bằng 70% kế hoạch. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2023.

: 5 9
NG
PHÂN
ĐÁ
T. 8

Điều 6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023

Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

1. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO).
4. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
5. Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 7. Bổ sung ngành nghề kinh doanh và nội dung tương ứng trong Điều lệ

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng, sản xuất vôi và sản xuất thạch cao	2394
2	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
3	Sửa chữa thiết bị điện	3314
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5	Xây dựng nhà để ở	4101
6	Xây dựng nhà không để ở	4102
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép	4662
9	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
11	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710
12	Xây dựng công trình điện	4221
13	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14	Xây dựng công trình thủy	4291
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)



Điều 8. Điều khoản thi hành

Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Các Phó TGD, các phòng/ban, các đơn vị trực thuộc, các công ty con;
- Người CBTT (để công bố);
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Tuấn Linh

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2023
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-SĐ10 ngày / /2023 của Đại hội đồng cổ đông CTCP Sông Đà 10)

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐTV	Thực hiện 2022						Kế hoạch 2023	
			Tổng cộng			Công ty mẹ			Tổng cộng	Công ty mẹ
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)		
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	926.000	455.842	49%	740.000	382.764	52%	932.200	745.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	844.090	373.175	44%	718.090	371.934	52%	868.389	740.709
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	26.910	15.939	59%	21.910	10.829	49%	6.691	4.291
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	55.000	66.728	121%				57.120	
II	Kế hoạch tài chính									
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	896.200	453.362	51%	728.200	383.898	53%	933.300	750.800
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	47.300	36.981	78%	27.200	22.287	82%	39.100	24.900
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	8.300	-2.267	-27%	13.400	11.524	86%	15.300	15.300
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	5.591	-15.650	-280%	10.691	3.881	36%	12.240	12.240
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng								
-	Lợi nhuận cận biên	%	0,93	-0,5	-54%	1,84	3,0	163%	1,6	2,0
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	1,31	-2,49	-190%	2,50	0,91	36%	2,9	2,9
	LNST/VCSH	%	0,64	-1,22	-191%	1,40	0,51	36%	1,5	1,5
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	843.340	808.040	96%	787.890	785.821	100%	839.400	805.000
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng				427.324	427.324	100%		427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,2	1,7	77%	1,6	1,0	63%	1,78	1,78

CÔNG TY CỔ
PHẦN SÔNG ĐÀ 10

Số: 02/BQ-SĐ10



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Họ tên cổ đông:Mã cổ đông:

Họ tên đại diện cổ đông:

Số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu):

Ý kiến biểu quyết (*tích dấu "X" vào ô trống bên phải ý kiến*):

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Báo cáo tài chính năm 2022

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2023

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và nội dung tương ứng trong Điều lệ

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(ký, ghi rõ họ tên)